

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+P8+BK8	7:25	22+0+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	chuyen 4 p8- bk8
2		TD5+BK15+TT2	7:25	21+1+0	0+0+0		16+1+5	0+0+0	
3		BK10+TD1	7:25	17+4	0+0		15+6	0+0	
4		BK16+CLI+BK4	7:25	7+10+5	0+0+0		2+10+10	0+0+0	
5		P2	7:30	18	0		18	0	tat may 2h30
6		GT1+BK5+TD3	9:25	11+4+4	0+0+0		6+0+14	0+0+0	
7		RP3+CLI+VSP02	9:25	1+21+0	0+0+0		0+21+0	0+0+0	chuyen 1 cli- vsp02
8		TD5+AMD	9:25	8+14	0+0		3+19	0+0	
9		TT1+VSP01+CTK3	9:25	3+1+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
10		P1+P2	11:25	3+19	0+0		1+21	0+0	
11		CTK3+P2	11:25	13+9	0+0		11+8	0+0	chuyen 2 ctk3- p2
12		P4+CTK3+BK16	11:25	6+14+2	0+0+0		0+7+15	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày bk16-3hg



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2023	TO: TD3 - P8 - BK8	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 09:25
TRANG - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	TD3	34-35	2	15		62	DMC-MI	Vietnamese
2	KOROTKOV VICTOR	TD3	500	1	7		120	KHOAN	Russian
3	BUI HUU VUNG	TD3	37	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
4	CHU VAN THANG	TD3	32	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN KIEM	TD3	42	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
6	ĐO THANH HAI	TD3	33	1	4		97	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM TRƯỜNG ANH	TD3	38	1	3		92	KHOAN	Vietnamese
8	LUU VAN SON	TD3	36	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN HAI NAM	TD3				40	69	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN MINH THANG	TD3	41	1	5		125	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ ANH XUÂN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
12	ĐO VĂN QUANG	TD3	48-49	2	15		83	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TRUNG SƠN	TD3	31	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
14	ĐINH QUANG CHIẾN	TD3	50	1	16		73	KHOAN	Vietnamese
15	ĐINH SỸ TUÂN	TD3	46-47	2	15		76	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG GIANG LAM	TD3					82	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH MƯỜI	TD3	40	1	8		72	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN LỤC	TD3	44	1	8		87	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT THĂNG	TD3					66	PSV	Vietnamese
20	HỒ SỸ THANH	TD3	45	1	4		58	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TUÂN	TD3	39	1	4		73	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TUÂN HAI	TD3	43	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	21	138	1.726	40	18		CHUYEN 4 P8 - BK8
2	P8	0	0	0	0	0	0 + 4		
3	BK8	0	0	0	0	15	4		
TOTAL		22	21	138	1.726	55	22		
WEIGHT KG				138	1.726	55			

GRAND TOAL: 1.919 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2023	TO: TD5 - BK15 - TTC2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:32
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - QViet - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV DANIIL	TD5	89	1	5		65	KHOAN	Russian
2	CHUSH MAKSIM	TD5	90	1	5		100	KHOAN	Russian
3	NGUYEN XUAN THE	TD5	82	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN THIEU	TD5	81	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
5	VI HUNG CUONG	TD5	80	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM VAN LUAN	TD5	68	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	MAI TRUONG TRUNG	TD5	83	1	5	70	62	KHOAN	Vietnamese
8	LE XUAN DUONG	TD5	66	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	DAO THANH SON	TD5	73	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
10	HA VAN PHUC	TD5	64	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG THIEN	TD5	78	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
12	HO MINH TRINH	TD5	79	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	VU TUAN ANH	TD5	76-77	2	10		73	PVD INVES	Vietnamese
14	VU THANH DUONG	TD5	71-72	2	12		85	D-HANH	Vietnamese
15	RAKHIMOV	TD5	75	1	5		92	D-HANH	Russian
16	PHAN KIM CUONG	TD5	84	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
17	DINH CHI CONG	TD5	67	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN PHUONG HUNG	TD5	65	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
19	DEMIN YURIY	TD5	69	1	5		88	KHOAN	Russian
20	MULNUCHKIN V.V.	TD5	74	1	5		90	DVL	Russian
21	TRUONG MINH KHANH	TD5	70	1	5		75	DVL	Vietnamese
22	HOANG VAN PHUONG	BK15	56	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	23	124	1.563	70	16		
2	BK15	1	1	5	67	0	1		
3	TTC2	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	24	129	1.630	70	22		
WEIGHT KG				129	1.630	70			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: BK10 - TD1	CREW: TUYỀN - NPhú - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN PHÚ VINH	BK10	700	1	8	11	59	KHOAN	Vietnamese
2	ĐÌNH VĂN THÔNG	BK10	02	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM TẤT LỤC	BK10	16-17	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN PHỒN	BK10	08	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN AN	BK10	12-14	3	10		74	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN CHI NGHIỆP	BK10	21	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN SĨ LONG	BK10	15	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	TU QUỐC VIỆT	BK10	10	1	12		66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VỊNH	BK10	07	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
10	LÂM XUÂN TU	BK10	09	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN TUẤN	BK10	11	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐOÀN SƯU	BK10	01	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
13	TÔNG VĂN THỂ	BK10	20	1	19		80	KHOAN	Vietnamese
14	VÔ TẤN HOA	BK10	18-19	2	20		71	KHOAN	Vietnamese
15	CHU TUẤN ANH	BK10	22	1	17		61	CODIEN	Vietnamese
16	HOANG VĂN THAM	BK10	05-06	2	20		61	T-TIN	Vietnamese
17	LÊ VĂN LỢI	BK10	03-04	2	15		55	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYEN TOAN THANG	BK10	23	1	15		75	CO DIEN	Vietnamese
19	HỒ THÈ ANH	TD1	55-56	2	20	70	61	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG VĂN NGỌC	TD1	53	1	10	15	51	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN DŨNG	TD1	57-58	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH THANH	TD1	51-52	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	18	24	189	1.250	11	15		
2	TD1	4	7	70	260	85	6		
TOTAL		22	31	259	1.510	96	21		
WEIGHT KG				259	1.510	96			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2023	TO: BK16 - CLI - BK4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: XHOÀN - Dương - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRAMARENKO V.V.	BK16					69	KH-THAC	Russian
2	MIKHAILOV E.V.	BK16	99	1	3		90	KH-THAC	Russian
3	ĐẠO TRUNG KIEN	BK16	97	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRI CHUNG	BK16	98	1	7	23	53	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN KHANG	BK16	95	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẠO KIM CUÔNG	BK16	94	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ MINH THĂNG	BK16	96	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	KHOROSHENKOV A.	CLI	100	1	5		80	KH-THAC	Russian
9	ĐỖ VĂN ĐOÀN	CLI	93	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HAI DUONG	CLI	98-99	2	16		74	KH-THAC	Vietnamese
11	KARPENKO B.A	CLI	94	1	9		88	KH-THAC	Russian
12	TRINH LÊ TUẤN	CLI	95	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUỐC DUNG	CLI	90	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VĂN THAM	CLI				40	83	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VIỆT PHƯƠNG	CLI	92	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ĐÌNH TUYEN	CLI	96-97	2	8		67	YTE	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC THĂNG	CLI	91	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG ĐÌNH VINH	BK4	93	1	18		68	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN ĐỨC HẠO	BK4	92	1	15		83	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN TUỔI	BK4	97-98	2	18	20	68	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN PHI HÙNG	BK4	96	1	17		55	XAYLAP	Vietnamese
22	VŨ TRỌNG HỒE	BK4	94-95	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	7	6	26	483	23	2		
2	CLI	10	11	73	772	40	10		
3	BK4	5	7	86	349	20	10		
TOTAL		22	24	185	1.604	83	22		
WEIGHT KG				185	1.604	83			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:30
FLIGHT: 05	TO: P2(+03H)	CREW: HHai - Nam - Nghia	ETA: 12:30
VIP			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TUẤN ANH	P2				20	75	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HIỀN	P2				20	70	D-HANH	Vietnamese
3	DƯƠNG DUY HÙNG	P2					70	D-HANH	Vietnamese
4	HOÀNG ĐÌNH VINH	P2					80	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC TRUNG	P2					75	D-HANH	Vietnamese
6	HOANG THI THU HUONG	P2					60	D-HANH	Vietnamese
7	PHAN THỊ THĂNG	P2					55	D-HANH	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HOẠT	P2					70	D-HANH	Vietnamese
9	MAI DUC TAM	P2					72	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC PHONG	P2					72	D-HANH	Vietnamese
11	LE MẠNH HUNG	P2					70	D-HANH	Vietnamese
12	TRẦN BÌNH MINH	P2					75	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYEN TUAN ANH	P2					80	D-HANH	Vietnamese
14	VŨ MAI KHANH	P2					70	D-HANH	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐOÀN	P2					73	D-HANH	Vietnamese
16	LE HOANG HAI	P2					72	D-HANH	Vietnamese
17	TRUONG QUOC LAM	P2					71	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC PHUOC	P2					70	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	0	0	1.280	40	18		
TOTAL		18	0	0	1.280	40	18		
WEIGHT KG				0	1.280	40			

GRAND TOAL: 1.320 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2023	TO: GTC1 - BK5 - TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 11:35
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH TRUNG	GTC1	94	1	13	20	75	D-HANH	Vietnamese
2	BUI KIEN ĐỨC	GTC1	95-96	2	15		90	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN VINH PHUC	GTC1	86	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HUNG	GTC1					85	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGHĨA TIN	GTC1	87	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN BẮC	GTC1	88	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG THANH SON	GTC1	90-91	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN MINH NGỌC	GTC1	92-93	2	19		89	XAYLAP	Vietnamese
9	DƯƠNG ĐĂNG CUÔNG	GTC1	97-98	2	18	18	72	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN HUU NGHI	GTC1	89	1	6		60	YTE	Vietnamese
11	KIEU VAN TUAN	GTC1	99	1	3		81	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC HUNG	BK5	47	1	10	17	68	KH-THAC	Vietnamese
13	LAI ANH TUAN	BK5	58	1	15	96	102	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	BK5	48,57	2	15		61	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ THANH BÌNH	BK5	46	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN CHINH QUY	TD3	99,53	2	15		75	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DUY	TD3	57-58	2	15		62	SHINTRAC	Vietnamese
18	BUI HUU TUAN	TD3	55-56	2	12		69	SHINTRAC	Vietnamese
19	ĐẶNG ĐÌNH LỘC	TD3	54	1	8		61	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	11	14	111	829	38	6		
2	BK5	4	5	48	300	113	0		
3	TD3	4	7	50	267	0	14		
TOTAL		19	26	209	1.396	151	20		
WEIGHT KG				209	1.396	151			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	TO: RP3 - CLI - VSP02	CREW: HUNG - QViệt - NNam	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN CHUONG	RP3	58-59	2	10		68	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG NAM	CLI	62-63	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	VU LAM DIEN	CLI	67-68	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN TUAN	CLI	83-84	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN PHUONG	CLI	60	1	5	35	85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN BINH	CLI	86	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TA THANH QUANG	CLI	60	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG DINH HUAN	CLI	79	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	DINH THE ANH	CLI	89	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM THANH HAI	CLI	71-72	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VAN DAN	CLI	75-76	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM DUC TAI	CLI	61	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	DINH VAN HOANG	CLI	82	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN VU	CLI	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG MANH THANG	CLI	78	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LE DINH KHOA	CLI	69-70	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI QUOC HUNG	CLI	66	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	HO TRUNG QUAN	CLI	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LE HUU HA	CLI	64-65	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH BINH	CLI	57-58	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
21	LE HOANG VU	CLI	85	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
22	DAU VIET BAC	CLI	87	1	5		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	1	2	10	68	0	0		
2	CLI	21	29	154	1.524	35	21	CHUYEN T PAX CLI-VSP02	
3	VSP02	0	0	0	0	50	0		
TOTAL		22	31	164	1.592	85	21		
WEIGHT KG				164	1.592	85			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2023	TO: TD5 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: TUYỀN - NPhú - DTùng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAN PHUC LONG	TD5	92	1	13		70	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN VINH	TD5	83	1	12		93	DVL	Vietnamese
3	VUONG DINH DONG	TD5	84	1	5	13	90	PSV	Vietnamese
4	TRAN MINH HUNG	TD5	88	1	5		85	PSV	Vietnamese
5	PHAM QUANG HUY	TD5	89	1	5		62	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN DANG NAM	TD5	86-87	2	10		66	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TIEN	TD5	85	1	6		58	PSV	Vietnamese
8	BUI VAN TU	TD5	91	1	7		52	PSV	Vietnamese
9	TRINH THUONG MAI	AMD	44-45	2	10		60	TLJOC	Vietnamese
10	TRINH BICH NGOC	AMD	48-49	2	13		67	TLJOC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN HIEU	AMD	53-54	2	17		90	TLJOC	Vietnamese
12	TRAN LE HOA	AMD	51	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HIEU	AMD	43	1	3	50	77	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH ANH BAO	AMD	57-58	2	12		77	KH-THAC	Vietnamese
15	LY CAO THANG	AMD	50	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ANH KHOA	AMD	56	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH PHUC AM	AMD	55	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	47	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LE PHAN NGOC CHAU	AMD	59-60	2	12		88	KH-THAC	Vietnamese
20	TANG XUAN HAI	AMD	46	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TAN	AMD	52	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	61-62	2	13		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	8	9	63	576	13	3		
2	AMD	14	20	129	982	50	19		
TOTAL		22	29	192	1.558	63	22		
WEIGHT KG				192	1.558	63			

GRAND TOTAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 09	TO: TTC1 - VSP01 - CTK3	CREW: XHOÀN - Dương - Toan	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỒNG QUÂN	TTC1	12	1	11		73	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG TRUNG	TTC1	13-14	2	12		73	XAYLAP	Vietnamese
3	VUONG MAI	TTC1	10-11	2	14	73	63	XAYLAP	Vietnamese
4	SYSTEROV R.	VSP01	62	1	7		78	KH-THAC	Russian
5	BOGDANOV E	CTK3	67	1	7		68	KH-THAC	Russian
6	SMIRNOV S.	CTK3	64	1	5		98	KH-THAC	Russian
7	TRINH QUỐC HUY	CTK3	68	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BÁ HUỆ	CTK3	69	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI HUU HUÂN	CTK3	63	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
10	YUSUPOV DMITRY	CTK3	54	1	5		71	KH-THAC	Russian
11	PHAN TÁT THĂNG	CTK3	57-58	2	7		65	YTE	Vietnamese
12	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	61	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM VĂN DŨ	CTK3	70	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIÊN DŨNG	CTK3	62	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ THÀNH CHUNG	CTK3					71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG LỘC	CTK3	65	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ QUANG THĂNG	CTK3	59	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ANH HAO	CTK3	73	1	9		55	HVJOC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀI VŨ	CTK3	55	1	6		67	D-HANH	Vietnamese
20	HUỲNH THANH LAM	CTK3	56	1	12		76	D-HANH	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	66	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	71	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	3	5	37	209	73	0		
2	VSP01	1	1	7	78	0	0		
3	CTK3	18	18	110	1.274	0	22		
TOTAL		22	24	154	1.561	73	22		
WEIGHT KG				154	1.561	73			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 10	TO: P1 - P2	CREW: QViệt - HUNG - THU	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀNG AN	P1	59	1	10	75	75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIỆU	P1	62-63	2	20	10	79	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN TIẾP	P1	60-61	2	18		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	P2	35	1	7		80	KHI	Vietnamese
5	ĐỖ THANH HÙNG	P2	52-54	3	20		72	YTE	Vietnamese
6	DUYNG ĐẠI THẮNG	P2	56	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO MẠNH HUY	P2	42	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THANH KIM	P2	57-58	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	P2	36	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỜNG GIA TRÍ	P2	55	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ HỒ HAI	P2	44	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUẤN ANH	P2	47	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG XUÂN HẢI	P2	33	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG NGOC TRUONG	P2	40-41	2	13		79	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐỨC TÔN	P2	43	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH THẮNG	P2	61	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT DŨNG	P2	31-32	2	20		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ VIỆT ANH	P2	37	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	P2	38	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN HOAI BAO	P2	34	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HA	P2	45-46	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN CÔNG DŨNG	P2	59-60	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	3	5	48	229	85	1		
2	P2	19	26	173	1.332	0	21		
TOTAL		22	31	221	1.561	85	22		
WEIGHT KG				221	1.561	85			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:05
FLIGHT: 11	TO: CTK3 - P2	CREW: TUYỀN - N.ANH - Thành	ETA: 13:45
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN KHUÔNG	CTK3	72	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐAM VĂN THÀNH	CTK3	38	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	CTK3				35	88	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	39	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TRUNG KIẾN	CTK3	74	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯƠNG TUẤN ANH	CTK3	77	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	75-76	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH DŨNG	CTK3	51	1	11		86	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN SƠN	CTK3	01	1	17		77	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ HỮU HÀ	CTK3	551-552	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	80	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SƠN	P2	74	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI NGỌC DUNG	P2	75	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN ANH KHANG	P2	72	1	5	4	73	KHI	Vietnamese
17	ARTYUSHIN SERGEY	P2	73	1	13		92	ANTOAN	Russian
18	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	P2	71	1	5		68	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN BẢO	P2	67	1	8		65	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TRUNG THÀNH	P2	69-70	2	17		67	ANTOAN	Vietnamese
21	ĐỖ BA NAM	P2	66	1	8		84	ANTOAN	Vietnamese
22	VŨ VĂN KIẾT	P2	68	1	10		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	13	13	97	993	35	11	2	CHUYEN 2 PAX CTK3-P2
2	P2	9	10	81	629	4	8		
TOTAL		22	23	178	1.622	39	19		
WEIGHT KG				178	1.622	39			

GRAND TOTAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2023	TO: P4 - CTK3 - BK16	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO - HIẾU	ETA: 13:50
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CAO	P4	60	1	13	25	66	CODIEN	Vietnamese
2	TRÌNH NGỌC TÚ	P4	45	1	9	15	74	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN HAI	P4	63-64	2	15		72	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN MINH TÙNG	P4	61-62	2	15		76	CODIEN	Vietnamese
5	NÔNG MINH HAI	P4	46	1	12		70	CODIEN	Vietnamese
6	ĐINH VĂN LƯU	P4	44	1	5		51	PSV	Vietnamese
7	LÊ VĂN CƯỜNG	CTK3	96	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM TÚ ANH	CTK3	92	1	5		64	CODIEN	Vietnamese
9	ĐINH MAI THIÊN	CTK3	91	1	10	25	71	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN HIỆP THANH	CTK3	99	1	10		83	CODIEN	Vietnamese
11	CAO XUÂN DŨNG	CTK3	01-02	2	15		65	CODIEN	Vietnamese
12	VŨ NGỌC CẢNH	CTK3	87-88	2	15		85	CODIEN	Vietnamese
13	HOANG MINH HAI	CTK3	89	1	10	30	81	CODIEN	Vietnamese
14	ROGINSKIY DMITRY	CTK3	04	1	10		92	ANTOAN	Russian
15	ĐINH XUÂN TOÀN	CTK3	97-98	2	15		65	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN MINH	CTK3	94-95	2	15		82	T-TIN	Vietnamese
17	PHAN VĂN TUẤN	CTK3	90	1	5		76	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	900	1	10		57	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN KHÁNH	CTK3	93	1	3		75	PSV	Vietnamese
20	TRẦN HÙNG ANH	CTK3	03	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16	91	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG THAI LONG	BK16	92	1	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	6	8	69	409	40	0		
2	CTK3	14	18	143	1.031	55	7		
3	BK16	2	2	13	140	0	15		
TOTAL		22	28	225	1.580	95	22		
WEIGHT KG				225	1.580	95			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN